

KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ CHỦ ĐỀ 1: BÉ VÀ CÁC BẠN

(Thực hiện từ ngày 06/9/2025 đến ngày 03/10/2025)

I. Mục tiêu

TT	Độ tuổi	Mục tiêu giáo dục	Nội dung Giáo dục		Hoạt động GD
			Chung	Riêng	
1	12-18	Tích cực thực hiện bài tập. Làm được một số động tác đơn giản cùng cô: giơ cao tay	- Hô hấp: Gà gáy, ngửi hoa - Cơ tay và bả vai: + 2 tay giơ lên cao, hạ xuống.	Chân: Dang sang hai bên	* Thể dục sáng. Nhạc bài hát: Vui đến trường. - Hô hấp: Gà gáy, ngửi hoa. - Cơ tay và bả vai: + 2 tay giơ lên cao, hạ xuống. + 1 tay đưa về phía trước 1 tay đưa về phía sau.
	18-24	Bắt chước một số động tác theo cô: giơ cao tay - đưa về phía trước - sang ngang	+ 1 tay đưa về phía trước, 1 tay đưa về phía sau - Lưng, bụng, lườn: + Nghiêng người sang hai bên.		- Lưng, bụng, lườn: + Nghiêng người sang hai bên. + Vặn người sang hai bên. (24-36)
	24-36	Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/ bụng và chân.	- Chân: + Đứng nhún chân.	+ Vặn người sang hai bên.	- Chân: + Đứng nhún chân + Dang sang hai bên (18-24)
2	12-18	Tự đi tới chỗ giáo viên (khi được gọi)	- Đi theo hướng thẳng - Đi cầm tay cô.		Hoạt động chơi - tập có chủ định: Vận động. + Đi cầm tay cô (12-18t) + Đi theo hướng thẳng. (18-36)

	18-24	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi.		Đi bước qua dây (dây đặt mặt sàn.)	TCVĐ: Lộn cầu vòng + Đi bước qua dây (dây đặt mặt sàn (18-24t) + Đi bước qua dây (gậy) cao 5cm (24-36 t.) TCVĐ: Bóng tròn to
	24-36	Trẻ biết giữ được thăng bằng trong vận động đi.		Đi bước qua gậy cao 5cm.	
3	12-18	Bò theo bóng lăn/ đồ chơi được khoảng 2,5 - 3m	- Đứng tung bóng. - Đứng ném bóng		Hoạt động chơi - tập có chủ định: Vận động VĐ: Đứng tung bóng (18-24 t) (24-36T- Ôn Đứng ném bóng (18-24t) TCVĐ: Dung dăng dung dẻ TCM: Bóng tròn to, dung dăng dung dẻ, tìm bóng. TCV Đ: Lộn cầu vòng, gieo hạt, bóng tròn to, con thỏ, con muỗi...
	18-24	Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: Biết lăn bóng với cô.			
	24-36	Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - ném			
4	18-24	Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: Biết lăn bóng với cô.	Bò tới đích.		Hoạt động chơi - tập có chủ định: Vận động - Bò tới đích (18-24)

					- Ôn: Bò tới đích (24-36) TCVĐ: Gieo hạt
	24-36	Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1-1,2m.			
5				Đứng tung bóng	Hoạt động chơi - tập có chủ định: Vận động VĐ: Đứng tung bóng (18-24 t) (24-36T- Ôn TCVĐ: Dung dăng dung dẻ TCM: Bóng tròn to, dung dăng dung dẻ, tìm bóng. TCV Đ: Lộn cầu vòng, gieo hạt, bóng tròn to, con thỏ, con muỗi...
	24-36	Trẻ biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động			
6	12-18	Trẻ biết cử động bàn tay, ngón tay khi cầm		Trẻ thực hiện được như: cầm, bóp đồ vật.	- Dạy lồng ghép vào các hoạt động thể dục buổi sáng HDVĐV: + Làm quen với đất nặn. + Làm quen với giấy bút. + Dự án: Làm quả bóng từ giấy
	18-24	Trẻ nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.		Trẻ làm được việc như: Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay. - Cầm, bóp, gõ,	

				- Vạch các nét nguyệt ngoạc bằng ngón tay	(vò giấy) + Xâu vòng màu đỏ
	24-36	Trẻ vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện		- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, - Nhón nhặt đồ vật + Dự án: Làm quả bóng từ giấy (vò giấy)	
7	24-36	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay- mắt trong các hoạt động: vẽ.		- Tập cầm bút tô, vẽ, Tập cài, đi dép - Cầm, bóp - Co duỗi ngón tay đan ngón tay. - Xếp chồng (4-5 khối; 6-8 khối) + Dự án: Tạo hình quả bóng từ giấy	- Dạy lồng ghép vào các hoạt động trong ngày, thể dục buổi sáng * Hoạt động chơi - tập có chủ định HĐVĐV: + Làm quen với đất nặn. + Làm quen với giấy bút. + Dự án: Làm quả bóng từ giấy (vò giấy) + Xâu vòng màu đỏ - Chơi ở các khu vực chơi: Góc NT: Tô màu bạn trai bạn gái. Góc HĐVĐV: + Xếp chồng các khối gỗ, gạch. + Xếp hàng rào + Xếp đường tới

					lớp. + Xếp lớp học TCM: Cài cúc - Hoạt động chơi các góc: Góc NT: Di tô màu bạn trai, bạn gái. Góc HĐVĐV: + Xếp lớp học của bé. + Xếp vườn hoa của bé. + Xếp đường tới lớp. + Xếp nhà ăn của bé. - Hoạt động chơi tập hướng dẫn trẻ kỹ năng đi dép đúng cách
<i>Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.</i>					
8	18-24	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.		Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau.	- Cô giáo phối hợp với y tế cân đo trẻ. - Hoạt động đón trẻ: + Cho trẻ xem tranh ảnh về một số món ăn ở trường mầm non và trò chuyện với trẻ về ích lợi của những món ăn đó.
	24-36	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi		Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống	Hoạt động ăn trưa:

9	12-18	Thích nghi với chế độ ăn cháo		- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.	Cô giới thiệu tên món ăn, nhắc nhở trẻ, hướng dẫn trẻ cách cầm thìa cầm bát để xúc cơm, cô động viên trẻ ăn hết xuất không để cơm rơi.
	18-24	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau.			
	24-36	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau		- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống.	
10	12-18	Ngủ đủ 2 giấc theo chế độ sinh hoạt.		- Làm quen chế độ ngủ 2 giấc	Hoạt động ngủ trưa cho trẻ nghe bài hát ru “ Cò lả, ru em, ru con” để trẻ ngủ
	18-24	Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa		- Làm quen chế độ ngủ một giấc.	
	24-36	Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa		- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa	
12	18-24	Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn(Ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc nước uống nước.)	Tập tự xúc ăn bằng thìa uống nước bằng cốc.	Tập ngồi vào bàn ăn. Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. Làm quen với rửa tay lau mặt	- Vệ sinh cá nhân trước, sau giờ ăn, trước khi trả trẻ. - Hoạt động chơi ở các khu vực chơi. - Trò chuyện trong hoạt động mọi lúc mọi nơi

	24-36	Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)		- Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt - <i>Tập tự phục vụ:</i> + <i>Cách cầm thìa, cầm cốc uống nước.</i> + <i>Xúc cơm (không để cơm rơi),</i>	- Hoạt động ăn hướng dẫn trẻ kỹ năng cầm thìa, - Hoạt động trong ngày hướng dẫn trẻ các cầm cốc, kỹ năng rửa tay
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức					
16	24-36	Trẻ sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.		- Trẻ sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì.	Hoạt động DCNT - Cây hoa hồng (lá). trẻ nhặt lá rụng bỏ vào thùng rác; cây ổi(lá) , DCNT, Cây hoa hồng(lá) - Cây dừa cạn(hoa); Cô cho trẻ thăm gia nhổ cỏ cùng cô, Cây hoa quân tử (lá); DCNT; cây hoa chiều tím(lá). - Cây hoa lưu ly (lá); Cô cho trẻ thăm gia tưới nước cho cây

					cùng cô.; Cây hoa thạch thảo (hoa), DCNT; cây hoa cánh bướm. (hoa). - Giá để khăn, Cô cho trẻ tham gia lau cốc uống nước cùng cô; Giá dép; DCNT; Giá cốc Chơi - tập có chủ định. +NB: Đôi dép(5e) + NB Bạn gái(5e) + Nhận biết bạn gái. + Khám phá màu sắc xanh, đỏ(5e) (Màu xanh, màu đỏ)
17	18-24	Trẻ bắt chước hành động đơn giản của những người thân.	Đồ dùng của bản thân	Hình ảnh của bản thân trong gương.	- Hoạt động đón trả trẻ cô cho trẻ (nhắc nhở phụ huynh) cất và lấy đồ dùng cá nhân của trẻ đúng nơi quy định - Các hoạt động trong ngày. Hoạt động có chủ định: Nhận biết bạn trai, bạn gái(5e) Chơi - tập ở các khu vực chơi
	24-36	Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.			

					+ Thao tác vai: Cô giáo, bán hàng, bác sĩ, mẹ con, gia đình. + Góc HDV ĐV: + Xếp chồng các khối gỗ, gạch. + Xếp hàng rào + Xếp đường tới lớp. + Xếp lớp học - Góc Nghệ thuật: Tô màu đồ dùng đồ chơi, hát các bài hát trong chủ đề. - Góc học tập: Cho trẻ nhận biết và nói các đồ dùng đồ chơi trong lớp. - Góc vận động: Cho trẻ chơi với bóng, vòng thể dục.
18	18-24	Trẻ chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi	Tên của bản thân.		Hoạt động đón và trả trẻ cô trò chuyện và hỏi tên của trẻ Con tên là gì?... Con là bạn trai hay bạn gái?...
	24-26	Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.		Một số đặc điểm bên ngoài của bản thân	

19	18-24	Trẻ chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận cơ thể của người khi được hỏi.	Tên, một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân + <i>Bảo vệ các bộ phận trên cơ thể(bảo vệ đôi mắt, bảo vệ tai, mũi, bàn tay...)</i>		Hoạt động đón và trả trẻ Cô trò chuyện cùng trẻ về đặc điểm và chức năng của bản thân như: mắt, mũi, miệng, tai
	24-36	Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.		Chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.	
20	18-24	Trẻ chỉ/ lấy /nói tên đồ dùng, đồ chơi, cây hoa, quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	Tên và một số đặc điểm nổi bật của cây hoa quen thuộc - <i>Sống hòa hợp, hài hòa với môi trường tự nhiên</i> + <i>Yêu quý, chăm sóc bảo vệ cây cảnh thiên nhiên</i> + <i>Tưới nước, nhổ cỏ, không ngắt lá, bẻ cành, lau lá cây...</i> - Tên đặc điểm công dụng nổi bật		Hoạt động có chủ định: NB: Quả bóng Khám phá màu sắc xanh, đỏ(5e) (Màu xanh, màu đỏ) Hoạt động DCNT - - Cây hoa hồng (lá). trẻ nhặt lá rụng bỏ vào thùng rác; cây ổi(lá) , DCNT, Cây hoa hồng(lá) - Cây dừa cạn(hoa); Cô cho trẻ thăm gia nhổ cỏ cùng cô, Cây hoa quân tử (lá); DCNT; cây hoa chiều tím(lá). - Cây hoa lưu ly (lá); Cô cho trẻ
	24-36	Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, quen thuộc.			

			của đồ dùng, đồ chơi... - <i>Sử dụng đồ dùng đồ chơi:</i> + <i>Cất đúng nơi quy định, không quang ném, đập phá</i>		thăm gia tưới nước cho cây cùng cô.; Cây hoa thạch thảo (hoa), DCNT; cây hoa cánh bướm. (hoa). - Giá để khăn, Cô cho trẻ tham gia lau cốc uống nước cùng cô; Giá dép; DCNT; Giá cốc - Hoạt động trong ngày trẻ chơi và biết giữ gìn cất đồ dùng đồ chơi đúng nơi quy định. - Chơi ở các khu vực chơi: Góc NT: Tô màu bạn trai bạn gái. Góc HĐVDV: + Xếp chồng các khối gỗ, gạch. + Xếp hàng rào. + Xếp đường tới lớp. + Xếp lớp học. Đạo chơi ngoài trời: Chơi đồ chơi ngoài trời, lá cây, cát, vòng...
21	18-24	Trẻ chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc màu	Màu đỏ, xanh.		Hoạt động chơi tập có chủ đích: + Khám phá màu xanh - đỏ (Màu

		xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.			xanh, màu đỏ) HĐVĐV: Quan sát có mục đích Trẻ biết màu hoa, màu lá
	24-36	Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ / xanh theo yêu cầu.			
27	18-24	<i>Trẻ nhắc lại được tiếng việt tên bản thân, bạn trai, bạn gái, cây, hoa , màu sắc xanh, đỏ hướng dẫn, gợi ý của cô.</i>	<i>Làm quen với ngôn ngữ tiếng việt: Trẻ nói được tên bản thân, tên bạn, một số bộ phận trên cơ thể, cây hoa ,lá màu sắc xanh, đỏ...</i>		* Đạo chơi ngoài trời: Hoạt động DCNT - - Cây hoa hồng (lá). trẻ nhặt lá rụng bỏ vào thùng rác; cây ôi(lá) , DCNT, Cây hoa hồng(lá) - Cây dừa cạn(hoa); Cô cho trẻ thăm gia nhổ cỏ cùng cô, Cây hoa quân tử (lá); DCNT; cây hoa chiều tím(lá). - Cây hoa lưu ly (lá); Cô cho trẻ thăm gia tưới nước cho cây cùng cô.; Cây hoa thạch thảo (hoa), DCNT; cây hoa cánh bướm. (hoa). - Giá để khăn, Cô cho trẻ tham gia
	24-36	<i>Trẻ nhận biết và nhắc lại được bằng tiếng việt tên bản thân, bạn trai, bạn gái, cây, hoa , màu sắc, xanh, đỏ, hướng dẫn, gợi ý của cô..</i>			

					lau cốc uống nước cùng cô; Giá dép; DCNT; Giá cốc Hoạt động chơi - tập có chủ định + NB bạn trai(5e) + NB bạn gái + NB Đôi dép + Khám phá màu sắc xanh, đỏ.
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ					
a) Nghe hiểu lời nói					
28	12-18	Hiểu được một số từ chỉ người, đồ chơi, đồ dùng gần gũi	- Nghe và thực hiện được nhiệm vụ gồm 2- 3 hành động. Ví dụ: Đến đây với cô, Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay...	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói.	Các hoạt động trong ngày trẻ thực hiện yêu cầu đơn giản của cô như: Đến đây với cô, Cháu cất đồ chơi lên giá đồ chơi... Hoạt động chơi khu vực chơi, dạo chơi ngoài trời cho trẻ cất đồ chơi đúng nơi quy định, trẻ biết lấy khăn lau cốc, biết lấy nước tưới cây, biết nhổ cỏ vườn hoa cùng cô.
	18-24	Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơn giản: đi đến đây, đi rửa tay			
	24-36	Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.		- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.	
29	12-18	Làm theo được một vài yêu cầu đơn giản: chào - khoanh tay; hoan hô - vỗ	Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau	Biết làm theo một vài yêu cầu của cô giáo như: chào - khoanh tay; hoan hô -	Hoạt động đón trả trẻ trẻ biết khoanh tay; hoan hô - vỗ tay; tạm biệt - vẫy tay,... Các hoạt động

		tay; tạm biệt - vẫy tay,...		vỗ tay; tạm biệt - vẫy tay,...	trong ngày cô giáo dục trẻ không
18- 24		Hiểu được từ “Không”; dùng hành động khi nghe “ Không” được lấy “ Không được sờ”		Trẻ biết từ (không) khi cô giáo không cho phép trẻ “ Không” được lấy “ Không được sờ	được lấy đồ chơi, không được chạy ra sân... * Đạo chơi ngoài trời: - Cây hoa hồng (lá). trẻ nhặt lá rụng bỏ vào thùng rác; cây ổi(lá) , DCNT, Cây hoa hồng(lá) - Cây dừa cạn(hoa); Cô cho trẻ thăm gia nhô cỏ cùng cô, Cây hoa quân tử (lá); DCNT; cây hoa chiều tím(lá). - Cây hoa lưu ly (lá); Cô cho trẻ thăm gia tưới nước cho cây cùng cô.; Cây hoa thạch thảo (hoa), DCNT; cây hoa cánh bướm. (hoa). - Giá để khăn, Cô cho trẻ tham gia lau cốc uống nước cùng cô; Giá dép; DCNT; Giá cốc Hoạt động chơi - tập có chủ định
24- 36		Trẻ trả lời các câu hỏi : “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì ?”, “....thế nào ?”		- Trẻ nghe và trả lời các câu hỏi: Cái gì?“ Làm gì”, “Để làm gì”;... “Ở đâu”; Như thế nào?	

					+ Nhận biết đôi dép(5e) + NB bạn trai + NB bạn gái(5e) + Khám phá màu sắc xanh, đỏ (Màu xanh, màu đỏ) Thơ: + Đôi mắt em + Thơ: Bạn mới (Đoàn kết, nhút nhát) Truyện: + Đôi bạn tốt (Con gà, con vịt) + Thỏ Ngoan (Thỏ, bác Gấu, Cáo)
30	12-18	Hiểu câu hỏi: "...đâu?" (mẹ đâu?, bà đâu? vịt đâu?...)	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói.		- Các hoạt động trong ngày trẻ nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói. VD: “ Ai đây?” “ Cái gì đây?” - Dạo chơi ngoài trời * Hoạt động chơi - tập có chủ định: + Truyện: Đôi bạn tốt (Con gà, con vịt) EL9 + Truyện: Thỏ Ngoan (Thỏ, bác Gấu, Cáo) .EL9.
	18-24	Trả lời được câu hỏi đơn giản: “ Ai đây?” “ Cái gì đây?”		- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói.	
	24-36	Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản.		- Trả lời và đặt câu hỏi: Ai đây?; cái gì?cây gì..., ở đâu?,	
c) Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp					

31	12-18	Bắt chước được âm thanh ngôn ngữ khác nhau: ta ta, bim bim...	Phát âm các âm khác nhau	Trẻ bắt trước được theo cô với các từ đơn giản như: ta ta bim bim...	Các hoạt động trong ngày. Trẻ nói được đơn giản theo cô - Thơ TV: Đôi mắt, đoàn kết, nhút nhát... - Truyện TV: (Con gà, con vịt) (Thỏ, bác Gấu, Cáo)... - Nhận Biết TV: (Bạn gái, bạn trai; màu xanh, màu đỏ)... - Dạo chơi ngoài trời: - - Cây hoa hồng (lá). trẻ nhặt lá rụng bỏ vào thùng rác; cây ổi(lá) , DCNT, Cây hoa hồng(lá) - Cây dừa cạn(hoa); Cô cho trẻ thăm gia nhò cỏ cùng cô, Cây hoa quân tử (lá); DCNT; cây hoa chiều tím(lá). - Cây hoa lưu ly (lá); Cô cho trẻ thăm gia tưới nước cho cây cùng cô.; Cây hoa thạch thảo (hoa), DCNT; cây hoa cánh bướm. (
	18-24	Trẻ nhắc lại được các từ ngữ và câu ngắn:		- Gọi tên các đồ vật, bạn , đồ dùng, cây cối, hoa ...hành động gần gũi.	
	24-36	Trẻ phát âm rõ tiếng			

					hoa). - Giá để khăn, Cô cho trẻ tham gia lau cốc uống nước cùng cô; Giá dép; DCNT; Giá cốc
32	12-18	Nhắc lại được một số từ đơn: mẹ, bà, ba, gà, cô...	Nghe các bài thơ, đồng dao, câu đố, bài hát và truyện ngắn (truyện kể đơn giản theo tranh Đọc theo đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ.	- Trẻ nói một số từ đơn: mẹ, bà, ba, gà, cô....	- Lồng ghép vào hoạt động có chủ định. - Hoạt động chơi tập có chủ định: - Văn học: + Thơ: Đôi mắt em. + Thơ: Bạn mới(đoàn kết, nhút nhát) + Truyện: Đôi bạn tốt (Con gà, con vịt) EL9 + Truyện: Thỏ Ngoan(Thỏ, bác Gấu, Cáo) . EL9 TCM: Dung dăng dung dẻ.
	18-24	Trẻ đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ, khi nghe các bài thơ quen thuộc.		Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3- 4 tiếng.	
	24-36	Trẻ đọc được bài thơ, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.			
33	12-18	Sử dụng các từ đơn khi giao tiếp như gọi mẹ, cô,...		Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói	- Các hoạt động trong ngày, mọi lúc mọi nơi. * Đạo chơi ngoài trời: - Cây hoa hồng (lá). trẻ nhặt lá
	18-24	Trẻ nói được câu đơn 2-3 tiếng			

24-36	Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ đặc điểm quen thuộc.		- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, đồ dùng cây hoa, đặc điểm, quen thuộc trong giao tiếp.	rụng bỏ vào thùng rác; cây ổi(lá) , DCNT, Cây hoa hồng(lá) - Cây dừa cạn(hoa); Cô cho trẻ thăm gia nhổ cỏ cùng cô, Cây hoa quân tử (lá); DCNT; cây hoa chiều tím(lá). - Cây hoa lưu ly (lá); Cô cho trẻ thăm gia tưới nước cho cây cùng cô.; Cây hoa thạch thảo (hoa), DCNT; cây hoa cánh bướm. (hoa). - Giá để khăn, Cô cho trẻ tham gia lau cốc uống nước cùng cô; Giá dép; DCNT; Giá cốc Nhận biết + NB bạn trai + NB bạn gái(5e) + NB đôi dép + KP màu sắc xanh, đỏ (5e)
12-18	Nói câu gồm 1 hoặc 2 từ: “bé” “uống” hoặc “nước” “măm măm” “đi, đi”	Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và		Các hoạt động trong ngày, mọi lúc mọi nơi. - Hoạt động đón, trả trẻ: Nhắc trẻ chào ông, bà, bố

34	18-24	Trẻ chủ động nói nhu cầu mong muốn của bản thân: (cháu uống nước, cháu muốn).	câu dài	Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản như: (cháu uống nước, cháu muốn).	mẹ, cô giáo. - Các hoạt động trong ngày, mọi lúc mọi nơi trẻ có nhu cầu muốn được bế khi, đói, khát nước, đi vệ sinh.
	24-36	Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: + Biết chào hỏi, trò chuyện. + Biết bày tỏ nhu cầu của bản thân.		Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.	VD: Trẻ khát nước trẻ chưa nói được trẻ biết chỉ tay vào bình nước hay đi vệ sinh chỉ tay vào bô....
35	24-36	Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép		- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn	- Hoạt động đón, trả trẻ: Nhắc trẻ chào ông, bà, bố mẹ, cô giáo...
36	18-24	Trẻ bước đầu làm quen với sách		Mở sách xem tranh	Hoạt động chơi các góc chơi. Góc sách chuyện Cho trẻ mở sách xem nhân vật trong tranh.
	24-36	Trẻ nghe làm quen với sách		Lắng nghe khi người lớn đọc sách.	
37	18-24	<i>Hình thành và phát triển khả năng nghe, nói tiếng việt có sự hướng dẫn của cô giáo.</i>		<i>Trẻ nghe và nói được các từ, câu đơn, câu có 2-3 tiếng tiếng việt chỉ đặc điểm của cây cối, đồ dùng, đồ chơi.</i>	* Đạo chơi ngoài trời: Hoạt động Đạo chơi ngoài trời + - Cây hoa hồng (lá). trẻ nhặt lá rụng bỏ vào thùng rác; cây ôi(lá) , DCNT, Cây hoa

	24-36	<i>Hình thành và phát triển khả năng nghe, nói tiếng việt có sự hướng dẫn của cô giáo.</i>		<i>Trẻ nghe và nói được các từ, câu đơn, câu có 5-7 tiếng tiếng việt chỉ đặc điểm của cây cối, đồ dùng, đồ chơi.</i>	hồng(lá) - Cây dừa cạn(hoa); Cô cho trẻ thăm gia nhổ cỏ cùng cô, Cây hoa quân tử (lá); DCNT; cây hoa chiều tím(lá). - Cây hoa lưu ly (lá); Cô cho trẻ thăm gia tưới nước cho cây cùng cô.; Cây hoa thạch thảo (hoa), DCNT; cây hoa cánh bướm. (hoa). - Giá để khăn, Cô cho trẻ tham gia lau cốc uống nước cùng cô; Giá dép; DCNT; Giá cốc Hoạt động chơi - tập có chủ định + NB bạn trai + NB bạn gái(5e) + NB đôi dép + KP màu sắc xanh, đỏ (5e
4. Lĩnh vực phát triển TC& KNXH và TM					
38	18-24	Trẻ nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi		- Hình ảnh của bản thân trong gương.	Hoạt động chơi - tập có chủ định + NB bạn trai + NB bạn gái(5e) Hoạt động đón trẻ cô cho trẻ xem video về bạn trai

		được hỏi).			bạn gái và trò chuyện cùng trẻ về giới tính tên tuổi của trẻ.
	24-36	Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).		- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân.	
39	24-36	Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích		Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình	- Các hoạt động trong ngày - Trẻ thích được chơi trong hoạt động chơi các góc, chơi ngoài trời...
40	18-24	Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi.		-Giao tiếp với cô và bạn.	- Trẻ giao tiếp trong các hoạt động trong ngày. * Hoạt động chơi ở các khu vực chơi:
	24-36	Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.		- Giao tiếp với những người xung quanh. <i>Kiểm soát bản thân</i>	- Góc thao tác vai: Nấu ăn, bán hàng, gia đình, mẹ con, cho bú, bê ăn, bác sĩ, ru em ngủ, cô giáo. Góc HĐVĐV: + Xếp chồng các khối gỗ, gạch. + Xếp hàng rào. + Xếp đường tới lớp. + Xếp lớp học. + Góc NT: Di tô màu bạn trai, bạn gái
				- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. + <i>Thể hiện sự quan tâm (Đồng cảm với người khác)</i> + <i>Bạn khóc biết ôm, xoa đầu.</i> + <i>Bạn đau, khóc, ngã biết gọi người</i>	- Hát các bài hát có trong chủ đề. + Góc VĐ: Chơi

				<i>lớn.. + Trẻ biết xin khi được người khác cho quà</i>	với, bóng, vòng thẻ đục, gậy, túi cát....
42	24- 36	Trẻ biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.		- Thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận. sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	Các hoạt động trong ngày. Hoạt động đón trả trẻ cô cho trẻ xem hình ảnh thể hiện hành vi cảm xúc. vui , buồn.
45	18- 24	Trẻ bắt chước được một vài hành vi xã hội (bế Búp bê. cho búp bê ăn nghe điện thoại...)	Thực hiện một số hành vi văn hóa đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).		* Hoạt động chơi ở các khu vực chơi: - Góc thao tác vai: bán hàng, mẹ con, bác sĩ, cô giáo. - Góc HĐVĐV: + Xếp chồng các khối gỗ, gạch. + Xếp hàng rào. + Xếp đường tới lớp. + Xếp lớp học + Góc NT: Di tô màu bạn trai, bạn gái
	24- 36	Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).		
46	24- 36	Biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.		- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.	- Hát các bài hát có trong chủ đề. + Góc VĐ: Chơi với, bóng, vòng thẻ đục, gậy, túi cát.... - TCVD: Bóng tròn to, tập tầm vông, gieo hạt,

					dung dăng dung dẻ, lộn cầu vòng, bong bóng xà phòng, trời nắng trời mưa, con thỏ, tay đẹp.... - CTC: Lá cây, hột, hạt, bóng, vòng, đất nặn, phấn, đồ chơi ngoài trời....
47	18-24	Trẻ làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	- <i>Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định.</i>	- Trẻ làm theo một số yêu cầu đơn giản của giáo viên.	Trẻ thực hiện yêu cầu đơn giản của cô trong các hoạt động trong ngày
	24-36	Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn.		- Thực hiện được yêu cầu đơn giản của giáo viên	- Hoạt động đón trẻ, trả trẻ, giờ ăn, giờ ngủ... và một số hoạt động trong ngày
49	18-24	Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (giậm chân, lắc lư, vỗ tay).	Nghe hát, nghe nhạc (với các giai điệu khác nhau.VD: Bài hát(cả nhà đều yêu,...		* Hoạt động chơi - tập có chủ đích: Âm nhạc: - N.Hát: Lại đây múa hát cùng cô Cả nhà đều yêu Mẹ yêu không nào. Hát: Bóng tròn Kéo cưa lừa xẻ Chú mèo VĐTN: Bóng tròn TCAN: Tai ai
	24-36	Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.	Nghe âm thanh của các nhạc cụ.(Sắc xô, phách tre, trống,... Hát một số		

			bài hát: Kéo cưa lừa xẻ...		tình. - Góc nghệ thuật: bé hát các bài hát có trong chủ đề. - Lồng ghép trong hoạt động chơi tập có chủ định.
50	18- 24	Trẻ thích vẽ, xem tranh.	- <i>Bảo vệ giữ gìn những đồ dùng, sản phẩm của mình và bạn khác</i>	- Tập cầm bút vẽ.	* Hoạt động chơi - tập: HĐVĐV: HĐVĐV: + Làm quen với giấy bút + Làm quen với đất nặn + Dự án: Làm quả bóng từ giấy + Xâu vòng màu đỏ - Góc Nghệ thuật: + Di tô màu bạn traị, bạn gái. - DCNT: Cho trẻ chơi với nguyên vật liệu bìa, lá cây, cây que...
	24- 36	Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguyệt ngoạc).		- Nặn, vẽ các đường nét khác nhau, di màu + Dự án: Làm quả bóng từ giấy	
51	24- 36	Bước đầu tham gia bảo vệ môi trường.		- Trẻ nhặt bỏ rác đúng nơi quy định.	Trả trẻ: Cho trẻ xem tranh, ảnh, video về các bạn nhặt rác, bỏ rác vào thùng. Các hoạt động trong ngày, mọi lúc mọi nơi. Hoạt động trả trẻ, DCNT, cho trẻ nhặt rác bỏ rác đúng nơi quy định.

II. Chuẩn bị:

- Máy tính, chiếu ngồi, loa
- Tranh ảnh, hình ảnh về chủ đề “ Bé và các bạn”.
- Vân Động: Sắc xô, bóng, dây, gậy, gậy thể dục,...
- Tranh minh họa nội dung bài thơ, truyện: Bạn mới, đôi bạn tốt, thỏ ngoan.
- HDVĐV: Bóng màu xanh, bóng màu đỏ, giấy A4, giấy các màu, đồ chơi có màu xanh đỏ...
- Âm nhạc: Nhạc bài hát: Chú mèo, Cả nhà đều yêu, Mẹ yêu không nào, bé đi nhà trẻ, vui đến trường, bóng tròn, kéo cưa lừa xẻ, chim mẹ chim con, bóng tròn, Mũ chóp, dụng cụ âm nhạc, sắc xô...
- Nhận biết: Tranh, hình ảnh các bộ phận trên cơ thể bé, tranh bạn trai bạn gái, các đồ dùng đồ chơi màu xanh đỏ...
- Đồ dùng đồ chơi cho các góc.
 - + Góc HDVĐV: Gạch, hàng rào, cây,
 - + Góc TTV: Rau, quả các loại, sáp màu, giấy màu, giấy A4,... dụng cụ chơi bác sĩ (ống nghe, nhiệt kế...)
 - + Góc nghệ thuật: Tranh vẽ bàn tay, bạn trai, bạn gái, sáp màu, nhạc các bài hát trong chủ đề...
- Đồ dùng đồ chơi dạo chơi ngoài trời: Giá khăn, giá dép, giá cốc, hoa thạch thảo, cây hoa lưu ly, cây hoa cánh bướm, cây chiều tím, cây hoa 10 giờ...
- Đồ dùng ăn: Bàn ghế, bát thìa đĩa đựng cơm roi vải, rổ khăn lau tay.
- Đồ dùng ngủ: Phấn, chiếu, gối, chăn...
- Chơi buổi chiều: Làm quen với vở toán, bóng các màu,...
- Đón trẻ, trả trẻ: Trò chuyện với trẻ về chủ đề bé và những sở thích của bé, con tên là gì, thích chơi đồ chơi gì, trong lớp có những bạn nào, trong lớp có những đồ chơi gì, có màu gì...

III. Mở chủ đề 1: Bé và các bạn

Cô cho trẻ xem hình ảnh, trẻ đến trường. Cô xúm xít trẻ và trò chuyện, đàm thoại với trẻ về tên của trẻ.

- + Con tên là gì?
- + Con là bạn trai hay bạn gái?
- + Đến trường có những ai? ...
- + Trong lớp con có những bạn nào?
- + Bạn của con tên là gì?
- + Bạn con là bạn trai hay bạn gái?
- + Con thích đồ chơi gì?
- + Con thích bạn nào trong lớp?

- + Cơ thể chúng mình có những bộ phận gì?
 - + Chân dùng để làm gì?
 - + Tay dùng để làm gì?
 - + Để giữ cho đôi chân, tay luôn sạch chúng mình phải làm gì?
- Cô đưa ra những câu hỏi kích thích trẻ biểu lộ suy nghĩ cảm xúc...
- => Các con ạ! Mỗi chúng ta đều đến trường để được chơi, học hát, đọc thơ... Vậy để hát được các bài hát, đọc được các bài thơ, câu truyện và hiểu thêm về bản thân , các bạn trong lớp". Cô và chúng mình cùng tìm hiểu về chủ đề “Bé và các bạn”.

GIÁO VIÊN

TỔ TRƯỞNG

XÁC NHẬN NHÀ TRƯỜNG